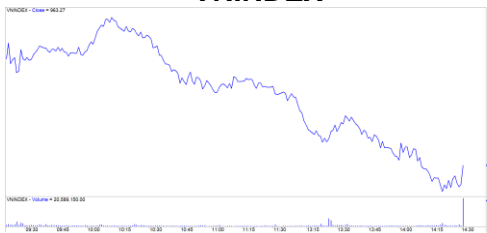


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	963.27	102.37	55.86
% ngày	-0.27%	-0.10%	-0.09%
% tuần	-0.73%	0.03%	0.29%
% tháng	-5.96%	-4.07%	-1.32%
% năm	0.64%	-4.98%	4.65%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,048	318	154
TB 1 tuần	4,894	312	319
TB 1 tháng	4,574	302	260
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	549.55	14.28	5.26
Bán	591.40	9.70	4.97
Giá trị ròng	-41.85	4.58	0.29
Độ rộng TT			
Mã Tăng	136	58	195
Mã Giảm	152	58	83
Không Đổi	100	253	625
Chỉ số chính			
P/E	15.81	8.98	16.85
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,305	185	933
LS Cổ tức	1.68%	5.10%	5.22%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường ghi nhận phiên giao dịch ảm đạm sau phiên bùng nổ liền trước. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm nhẹ 0.27% dừng tại 963.27 điểm, HNX-Index giảm 0.1% chốt tại 102.37 điểm. Dòng tiền tiếp tục suy yếu khi giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường chỉ đạt mức gần 3,450 tỷ đồng.

Nhóm Ngân hàng mất động lực tăng khi chỉ mỗi HDB giữ nhịp với mức tăng 2.2% trong khi CTG, BID, MBB, VPB, TCB giảm giá. Ngoài ra, VRE(+1.2%), ROS(+1.2%), CTD(+1.9%) là những mã tăng trên 1% trong VN30-Index. Ở chiều ngược lại, GAS(-1.3%), MWG(-2.1%) diễn biến tiêu cực trong phiên chiều và ảnh hưởng tiêu cực tới chỉ số. Nhóm Bất động sản Mid-Cap là điểm sáng hôm nay có thể kể tên như PDR(+3%) đóng cửa ở mức cao nhất phiên tại 27,800 đồng. SCR ghi nhận phiên tăng mạnh thứ 2 liên tiếp (+4.1%) với thanh khoản đạt hơn 4,5 triệu cổ phiếu cao nhất trong vòng 17 phiên trở lại đây. Nhiều mã Mid-Cap và Penny có giao dịch khá tích cực như AST(+4%), FLC(+1.3%), VHC(+1.1%), AMD(+4.1%)...

Khối ngoại bán ròng nhưng chỉ với 37 tỷ đồng tính chung cả ba sàn. MSN(63.3 tỷ), HPG(14.4 tỷ) là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, ROS(20.2 tỷ), VCB(11.7 tỷ) là các mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục nhịp hồi phục trong phiên kế tiếp với mức kháng cự gần nhất là 975 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, dòng tiền ngắn hạn tiếp tục cải thiện và thị trường cũng có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy cho thấy đã giảm đang có dấu hiệu suy yếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng nhẹ và xu hướng vẫn chưa rõ ràng cho nên chiến lược ngắn hạn vẫn là đứng ngoài thị trường.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 974.05 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường và hạn chế bán ra ở nhịp giảm. Nếu nhà đầu tư chấp nhận rủi ro cao thì có thể xem xét mua mới với tỷ trọng thấp dưới 30%.

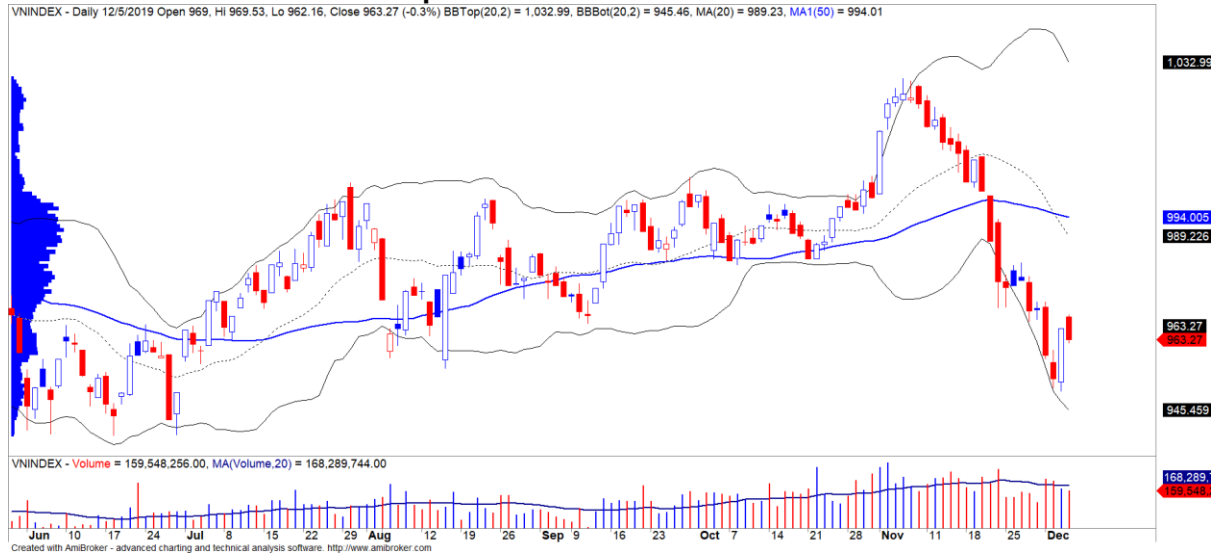
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 29% cổ phiếu/71% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.00	GIẢM	GIẢM		14.51				16.24		
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.69			24.00	22.57	-4.17%	
ACV	74.00	TĂNG	GIẢM	74.00	72.14	0.00%	MUA		82.57		
ANV	22.35	GIẢM	GIẢM		24.36				27.58		
ASM	6.37	GIẢM	GIẢM		6.57				7.26		
BFC	14.20	GIẢM	GIẢM		14.98				16.18		
BID	40.00	GIẢM	TĂNG		41.27			33.40	38.49	19.76%	
BMP	49.10	GIẢM	TĂNG		51.13			48.30	48.32	1.66%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.64				10.51		
BVH	66.20	GIẢM	GIẢM		68.81				75.79		
BWE	24.20	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	8.80	GIẢM	GIẢM		9.30				10.17		
CII	22.70	GIẢM	TĂNG		24.19			24.45	22.23	-7.16%	
CMG	38.00	GIẢM	TĂNG		38.66			23.20	34.96	63.79%	
CMX	14.95	GIẢM	GIẢM	15.95	15.43	-3.29%	BÁN		21.36		
CSM	14.15	GIẢM	GIẢM		14.71			14.39	14.22	-1.15%	
CTD	63.70	GIẢM	GIẢM		66.35				80.38		
CTG	20.10	GIẢM	GIẢM		20.55			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
CTR	40.60	GIẢM	N/A		44.26			-	N/A		
CVT	20.30	GIẢM	GIẢM		21.33			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DCM	6.80	GIẢM	GIẢM		6.95				7.49		
DGC	27.00	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-0.74%			28.91		
DGW	23.65	GIẢM	GIẢM		24.40			23.50	24.07	2.42%	BÁN
DHA	30.65	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-3.77%			32.52		
DHC	42.00	TĂNG	TĂNG	33.00	40.15	27.27%		37.70	35.13	11.41%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.67				15.08		
DPG	44.70	GIẢM	GIẢM		46.25				50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.51				15.14		
DPR	43.50	TĂNG	TĂNG	37.60	40.93	15.69%		41.30	40.40	5.33%	MUA
DQC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.57				18.58		
DRC	22.80	GIẢM	TĂNG		23.34			21.60	21.72	5.56%	
DXG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.81			15.50	14.86	-4.11%	BÁN
EIB	16.80	GIẢM	TĂNG		17.81			18.40	16.46	-8.70%	
FCN	9.98	GIẢM	GIẢM		10.35				12.09		



We Create Fortune

FMC	26.70	GIẢM	TĂNG		27.31			31.60	26.18	-15.51%	
FPT	54.90	GIẢM	GIẢM		56.79			46.00	54.99	19.54%	
GAS	98.00	GIẢM	GIẢM		101.89				109.55		
GEX	20.00	GIẢM	GIẢM		20.48				22.44		
GIL	18.40	GIẢM	GIẢM		19.39				21.85		
GMD	23.30	GIẢM	GIẢM		24.09				26.54		
GTN	21.40	TĂNG	TĂNG	21.70	20.19	-1.38%		15.00	18.98	42.67%	
GVR	12.60	GIẢM	N/A		13.26				N/A		
HAG	3.70	GIẢM	GIẢM		3.80				4.55		
HAX	17.40	GIẢM	GIẢM		18.56				21.20		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		11.61				13.10		
HCM	23.80	GIẢM	TĂNG		24.54			23.40	22.58	1.71%	
HDB	27.90	TĂNG	TĂNG	27.30	25.00	2.20%		28.00	27.29	-0.36%	BÁN
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		22.73			15.25	20.25	44.92%	
HDG	32.30	GIẢM	GIẢM		32.89			35.30	32.61	-7.62%	
HNG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.94				16.29		
HPG	23.10	TĂNG	GIẢM	23.45	22.63	-1.49%			23.82		
HSG	7.99	GIẢM	TĂNG		8.13			7.75	6.90	3.10%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.08			16.90	13.91	-12.43%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	35.75	TĂNG	GIẢM	34.95	34.10	2.29%			36.93		
KBC	14.70	GIẢM	TĂNG		15.37			15.35	13.91	-4.23%	
KDH	27.00	TĂNG	TĂNG	26.75	25.95	0.93%		24.00	24.58	12.50%	
KSB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.89				20.16		
LCG	8.28	GIẢM	GIẢM		8.49				9.32		
LDG	8.75	GIẢM	GIẢM		9.15				11.19		
LHG	15.15	GIẢM	GIẢM		15.87				16.89		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.78				8.13		
MBB	21.85	GIẢM	TĂNG		22.26			21.85	21.83	0.00%	
MPC	18.80	GIẢM	GIẢM		19.90				25.62		
MSN	62.00	GIẢM	GIẢM		65.93				78.75		
MSR	14.40	GIẢM	GIẢM		15.40				17.20		
MWG	110.60	GIẢM	GIẢM		113.12				127.09		
NDN	16.50	GIẢM	TĂNG		16.88			13.70	16.27	20.44%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.30				6.45		
NLG	27.60	GIẢM	TĂNG		28.23			28.70	26.73	-3.83%	
NT2	22.55	GIẢM	GIẢM		23.02				24.51		
NTL	23.15	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		
NVL	56.50	GIẢM	GIẢM		57.70				62.41		



We Create Fortune

OIL	9.50	GIẢM	GIẢM		9.61				11.12		
PAC	25.80	TĂNG	GIẢM	25.80	25.63	0.00%	MUA		29.55		
PC1	18.05	GIẢM	GIẢM		18.60			19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	27.80	TĂNG	TĂNG	26.40	26.04	5.30%		29.00	25.01	-4.14%	
PHR	54.90	GIẢM	GIẢM		57.32				65.37		
PLX	56.30	GIẢM	GIẢM		58.09				61.98		
PNJ	82.00	GIẢM	TĂNG		82.79			104.00	78.71	-21.15%	
POW	12.65	GIẢM	GIẢM		13.03				13.98		
PVT	16.85	GIẢM	TĂNG		17.39			18.30	16.28	-7.92%	
PPC	27.65	TĂNG	GIẢM	28.30	26.75	-2.30%			28.36		
PTB	72.90	GIẢM	TĂNG		74.81			64.00	68.51	13.91%	
PVB	18.90	GIẢM	TĂNG		19.60			20.10	18.62	-5.97%	
PVD	15.00	GIẢM	GIẢM		15.68				18.05		
PVI	31.50	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.12%			34.84		
PVS	17.20	GIẢM	GIẢM		17.79				20.66		
PXS	5.89	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	23.74%		6.20	4.83	-5.00%	
QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.23			33.80	28.38	-12.72%	
REE	36.00	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	8.03%	
SAB	231.80	GIẢM	GIẢM		240.04				269.11		
SAM	8.07	GIẢM	TĂNG		8.14			7.40	7.58	9.05%	
SCR	6.35	TĂNG	TĂNG	6.10	5.56	4.10%			6.17		
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	28.61%	
SJS	15.45	GIẢM	GIẢM		17.19				16.88		
SKG	11.10	GIẢM	GIẢM		11.31				11.70		
SSI	19.60	GIẢM	GIẢM		20.10				22.27		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				11.09		
TCB	23.25	TĂNG	TĂNG	23.45	22.03	-0.85%		22.65	23.03	2.65%	BÁN
TCM	19.70	GIẢM	GIẢM		20.20				22.91		
TDH	9.86	GIẢM	GIẢM		10.00				11.30		
TLH	4.28	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.42%			4.43		
TNG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	-0.66%			16.69		
VCB	84.80	GIẢM	TĂNG		86.91			62.00	84.02	36.77%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		19.20	25.21	41.15%	
VCS	78.10	GIẢM	GIẢM		80.64				99.68		
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.84				19.90		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.48				9.29		
VHC	80.00	TĂNG	GIẢM	78.40	76.25	2.04%			85.35		
VHM	92.00	GIẢM	TĂNG		94.81			90.20	89.66	2.00%	
VIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.63			17.70	16.56	-4.52%	

We Create Fortune

VIC	115.80	GIẢM	TĂNG		118.04			112.00	113.76	3.39%	
VIP	5.03	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	145.40	TĂNG	TĂNG	139.40	143.49	4.30%		124.50	137.02	16.79%	
VND	13.85	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.77%			14.88		
VNG	21.65	TĂNG	GIẢM	21.30	20.84	1.64%			22.34		
VNM	117.80	GIẢM	GIẢM		121.35				132.88		
VPB	19.60	GIẢM	GIẢM		19.96				22.57		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	
VRC	23.70	TĂNG	TĂNG	16.05	21.44	47.66%		17.30	16.55	36.99%	
VRE	34.50	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-1.57%	
VSC	23.95	GIẢM	GIẢM		24.88				27.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.69			24.00	22.57	-4.17%	
BID	40.00	GIẢM	TĂNG		41.27			33.40	38.49	19.76%	
BSR	9.10	GIẢM	GIẢM		9.64				10.51		
BVH	66.20	GIẢM	GIẢM		68.81				75.79		
CTG	20.10	GIẢM	GIẢM		20.55			22.00	20.78	-5.56%	BÁN
FPT	54.90	GIẢM	GIẢM		56.79			40.23	54.99	36.70%	
GAS	98.00	GIẢM	GIẢM		101.89				109.55		
GEX	20.00	GIẢM	GIẢM		20.48				22.44		
GVR	12.60	GIẢM	N/A		13.26				N/A		
HDB	27.90	TĂNG	TĂNG	27.30	25.00	2.20%		28.00	27.29	-0.36%	BÁN
HNG	14.50	GIẢM	GIẢM		14.94				16.29		
HPG	23.10	TĂNG	GIẢM	23.45	22.63	-1.49%			23.82		
HVN	35.75	TĂNG	GIẢM	34.95	34.10	2.29%			36.93		
KDH	27.00	TĂNG	TĂNG	26.75	25.95	0.93%		24.00	24.58	12.50%	
MBB	21.85	GIẢM	TĂNG		22.26			19.72	21.83	10.81%	
MSN	62.00	GIẢM	GIẢM		65.93				78.75		
MWG	110.60	GIẢM	GIẢM		113.12				127.09		
NVL	56.50	GIẢM	GIẢM		57.70				62.41		
OIL	9.50	GIẢM	GIẢM		9.61				11.12		
PLX	56.30	GIẢM	GIẢM		58.09				61.98		
PNJ	82.00	GIẢM	TĂNG		82.79			77.07	78.71	6.39%	
POW	12.65	GIẢM	GIẢM		13.03				13.98		

We Create Fortune

QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.23			33.26	28.38	-11.30%	
REE	36.00	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	8.03%	
ROS	24.50	GIẢM	GIẢM		25.39				27.61		
SBT	18.60	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	6.29%	
SSI	19.60	GIẢM	GIẢM		20.10				22.27		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				11.09		
TCB	23.25	TĂNG	TĂNG	23.45	22.03	-0.85%		22.65	23.03	2.65%	BÁN
TPB	21.80	GIẢM	GIẢM		22.29				23.94		
VCB	84.80	GIẢM	TĂNG		86.91			62.00	84.02	36.77%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.57	0.37%		18.44	25.21	46.95%	
VCS	78.10	GIẢM	GIẢM		80.64				99.68		
VEA	47.30	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	25.00	GIẢM	N/A		26.93				N/A		
VHM	92.00	GIẢM	TĂNG		94.81			89.13	89.66	3.22%	
VIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.63			15.00	16.56	12.63%	
VIC	115.80	GIẢM	TĂNG		118.04			112.00	113.76	3.39%	
VJC	145.40	TĂNG	TĂNG	139.40	143.49	4.30%		124.50	137.02	16.79%	
VNM	117.80	GIẢM	GIẢM		121.35				132.88		
VPB	19.60	GIẢM	GIẢM		19.96				22.57		
VRE	34.50	GIẢM	TĂNG		35.05			35.05	32.08	-1.57%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.00	GIẢM	GIẢM		14.51				16.24		
ANV	22.35	GIẢM	GIẢM		24.36				27.58		
ASM	6.37	GIẢM	GIẢM		6.57				7.26		
BMI	25.70	GIẢM	TĂNG		26.62			26.70	23.99	-3.75%	
BMP	49.10	GIẢM	TĂNG		51.13			48.30	48.32	1.66%	
BWE	24.20	GIẢM	GIẢM		24.50				25.84		
CEO	8.80	GIẢM	GIẢM		9.30				10.17		
CII	22.70	GIẢM	TĂNG		24.19			24.45	22.23	-7.16%	
CRE	24.00	GIẢM	GIẢM		24.39				25.39		
CTI	22.00	GIẢM	GIẢM		23.16			25.05	22.66	-9.54%	
CTR	40.60	GIẢM	GIẢM		44.26				53.42		
D2D	75.40	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-9.27%	
DBD	57.10	GIẢM	TĂNG		60.58			38.65	54.36	47.73%	

We Create Fortune

DCM	6.80	GIẢM	GIẢM		6.95			7.49		
DGW	23.65	GIẢM	GIẢM		24.40		23.04	24.07	4.47%	BÁN
DHC	42.00	TĂNG	TĂNG	33.00	40.15	27.27%	37.70	35.13	11.41%	
DIG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.67			15.08		
DPG	44.70	GIẢM	GIẢM		46.25			50.61		
DPM	12.80	GIẢM	GIẢM		13.51			15.14		
DRC	22.80	GIẢM	TĂNG		23.34		21.60	21.72	5.56%	
DXG	13.90	GIẢM	GIẢM		14.81		15.50	14.86	-4.11%	BÁN
E1VFN30	14.64	GIẢM	GIẢM		14.94		15.26	14.84	-2.74%	BÁN
FCN	9.98	GIẢM	GIẢM		10.35			12.09		
FLC	4.64	TĂNG	TĂNG	4.61	4.31	0.65%	4.63	4.02	0.22%	
GEG	27.55	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-1.96%	12.50	25.77	120.36%	
GMD	23.30	GIẢM	GIẢM		24.09			26.54		
GTN	21.40	TĂNG	TĂNG	21.70	20.19	-1.38%	15.00	18.98	42.67%	
HAG	3.70	GIẢM	GIẢM		3.80			4.55		
HBC	11.30	GIẢM	GIẢM		11.61			13.10		
HCM	23.80	GIẢM	TĂNG		24.54		23.40	22.58	1.71%	
HDC	22.10	GIẢM	TĂNG		22.73		15.25	20.25	44.92%	
HDG	32.30	GIẢM	GIẢM		32.89		35.30	32.61	-7.62%	
HPX	26.30	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.36%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.99	GIẢM	TĂNG		8.13		7.75	6.90	3.10%	
HT1	14.80	GIẢM	TĂNG		15.08		16.90	13.91	-12.43%	
HTM	17.40	TĂNG	GIẢM	16.00	14.84	8.75%		18.47		
IBC	20.10	GIẢM	GIẢM		20.86			21.22		
IDI	5.15	GIẢM	GIẢM		5.33		7.53	5.22	-30.66%	
IJC	15.15	GIẢM	TĂNG		15.71		13.10	13.74	15.65%	
ITA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.09		3.20	2.96	-7.50%	
KBC	14.70	GIẢM	TĂNG		15.37		14.85	13.91	-0.99%	
KDC	19.25	GIẢM	TĂNG		20.05		21.90	18.08	-12.10%	
KOS	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	4.48%	26.30	25.20	6.46%	
KSB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.89			20.16		
LDG	8.75	GIẢM	GIẢM		9.15			11.19		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.78			8.13		
MBG	32.30	GIẢM	GIẢM		39.12			56.66		
MBS	15.60	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	6.12%		15.75		
MPC	18.80	GIẢM	GIẢM		19.90			25.62		
NBB	20.25	GIẢM	GIẢM		21.49			22.02		
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.30			6.45		

We Create Fortune

NLG	27.60	GIẢM	TĂNG		28.23			26.28	26.73	5.02%	
NT2	22.55	GIẢM	GIẢM		23.02				24.51		
NTL	23.15	GIẢM	GIẢM		24.02				24.88		
NVB	9.00	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	18.42%		8.50	8.20	5.88%	
OGC	3.55	GIẢM	GIẢM		3.73				4.27		
PC1	18.05	GIẢM	GIẢM		18.60			19.30	18.48	-4.25%	BÁN
PDR	27.80	TĂNG	TĂNG	26.40	26.04	5.30%		23.59	25.01	17.82%	
PHR	54.90	GIẢM	GIẢM		57.32				65.37		
PPC	27.65	TĂNG	GIẢM	28.30	26.75	-2.30%			28.36		
PTB	72.90	GIẢM	TĂNG		74.81			60.78	68.51	19.94%	
PVD	15.00	GIẢM	GIẢM		15.68				18.05		
PVI	31.50	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.12%			34.84		
PVS	17.20	GIẢM	GIẢM		17.79				20.66		
PVT	16.85	GIẢM	TĂNG		17.39			17.31	16.28	-2.63%	
QCG	4.17	GIẢM	GIẢM		4.38				5.06		
SCR	6.35	TĂNG	TĂNG	6.10	5.56	4.10%			6.17		
SGP	7.70	GIẢM	GIẢM		8.24				10.69		
SHB	6.10	GIẢM	GIẢM		6.33				6.86		
SHS	7.70	GIẢM	TĂNG		8.12			8.40	7.36	-8.33%	
SZC	16.45	GIẢM	#N/A		17.48				#N/A		
TCH	28.05	TĂNG	TĂNG	23.30	27.39	20.39%		26.15	22.98	7.27%	
TCM	19.70	GIẢM	GIẢM		20.20				22.91		
TDH	9.86	GIẢM	GIẢM		10.00				11.30		
TNG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	-0.66%			16.69		
TTB	5.49	GIẢM	GIẢM		7.40				14.61		
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.84				19.90		
VGT	8.10	GIẢM	GIẢM		8.48				9.29		
VHC	80.00	TĂNG	GIẢM	78.40	76.25	2.04%			85.35		
VND	13.85	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-1.77%			14.88		
VNG	21.65	TĂNG	GIẢM	21.30	20.84	1.64%			22.34		
VPI	41.60	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.73%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.50	GIẢM	GIẢM		8.74				9.89		
AGR	3.58	GIẢM	GIẢM		3.80				4.55		

We Create Fortune

AMD	2.04	TĂNG	TĂNG	1.77	1.74	15.25%		1.70	1.47	20.00%	
APG	9.90	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	13.01%		9.90	8.56	0.00%	
ART	2.20	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	10.00%			2.25		
BCG	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81			6.39	7.47	28.33%	
C4G	5.50	GIẢM	GIẢM		5.89				7.52		
C69	10.00	GIẢM	GIẢM		12.01				19.39		
CCL	7.23	TĂNG	GIẢM	6.80	6.91	6.32%		7.88	7.83	-0.69%	MUA
CVT	20.30	GIẢM	GIẢM		21.33			20.35	21.01	3.25%	BÁN
DAH	9.74	GIẢM	GIẢM		9.97				11.27		
DLG	1.50	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65		
DRH	4.54	GIẢM	GIẢM		4.82				6.06		
DTD	10.90	GIẢM	GIẢM		11.85				14.33		
EVG	2.67	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.96%			2.90		
FIT	5.64	TĂNG	TĂNG	4.49	5.30	25.61%		3.64	3.79	54.95%	
FTM	2.80	TĂNG	GIẢM	3.06	2.72	-8.50%			5.42		
FUES SV50	12.80	GIẢM	GIẢM		12.92				13.68		
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.91	0.67%			15.51		
HAH	12.00	GIẢM	GIẢM		12.90				14.24		
HAI	2.69	TĂNG	TĂNG	1.69	2.52	59.17%		1.88	1.86	43.09%	
HAR	4.08	TĂNG	TĂNG	4.08	3.97	0.00%	MUA	3.90	3.28	4.62%	
HDA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.08				12.03		
HHP	11.70	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-4.10%			13.51		
HHS	3.06	GIẢM	TĂNG		3.31			3.36	2.94	-8.93%	
HID	2.15	GIẢM	GIẢM		2.38			2.63	2.16	-17.91%	
HII	9.80	GIẢM	GIẢM		10.38				11.61		
HQC	1.00	GIẢM	GIẢM		1.04				1.18		
HSL	7.60	GIẢM	GIẢM		7.84				8.88		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVG	8.69	TĂNG	TĂNG	7.82	7.73	11.13%		3.90	6.00	122.82%	
HVH	17.70	TĂNG	GIẢM	18.20	17.48	-2.75%			20.24		
IDJ	7.10	GIẢM	TĂNG		7.37			7.20	5.42	-1.39%	
JVC	4.55	TĂNG	GIẢM	4.35	4.08	4.60%			4.75		
KLF	1.40	TĂNG	GIẢM	1.40	1.13	0.00%			1.48		
LCG	8.28	GIẢM	GIẢM		8.49				9.32		
LGL	8.94	GIẢM	TĂNG		9.36			7.11	8.39	25.68%	
LHG	15.15	GIẢM	GIẢM		15.87				16.89		
LMH	12.50	GIẢM	#N/A		12.79				#N/A		
MST	5.30	TĂNG	TĂNG	3.80	4.53	39.47%		3.40	3.40	55.88%	



We Create Fortune

NDN	16.50	GIẢM	TĂNG		16.88			13.10	16.27	25.91%	
PHC	11.30	GIẢM	TĂNG		11.88			14.20	11.21	-20.42%	
PLP	9.60	GIẢM	GIẢM		10.28				11.73		
PVB	18.90	GIẢM	TĂNG		19.60			19.42	18.62	-2.66%	
PVC	7.30	GIẢM	TĂNG		7.48			6.70	6.66	8.96%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.37				1.50		
PXL	8.20	TĂNG	TĂNG	5.50	7.94	49.09%		6.70	5.73	22.39%	
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	55.94%	
SJF	2.18	GIẢM	GIẢM		2.39				2.79		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.20				2.86		
TDC	8.22	GIẢM	GIẢM		8.51			7.05	8.48	20.20%	BÁN
TIG	7.00	TĂNG	TĂNG	6.20	5.99	12.90%		3.20	4.54	118.75%	
TLH	4.28	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.42%			4.43		
TNA	25.30	TĂNG	TĂNG	13.70	22.61	84.67%		11.45	17.76	120.94%	
TNI	10.65	TĂNG	GIẢM	10.20	10.36	4.41%		10.90	10.89	-0.06%	MUA
TSC	2.58	GIẢM	GIẢM		2.89				4.10		
TTF	2.81	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-4.75%			3.21		
TTH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.81				3.15		
TVC	16.50	TĂNG	TĂNG	16.90	16.46	-2.37%		14.30	14.38	15.38%	
VC3	16.90	GIẢM	TĂNG		17.81			22.00	16.32	-23.18%	
VCR	14.40	TĂNG	GIẢM	14.60	12.97	-1.37%			20.06		
VNA	3.70	GIẢM	GIẢM		3.96			4.70	3.92	-16.50%	
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	23.70	TĂNG	TĂNG	16.05	21.44	47.66%		17.30	16.55	36.99%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	963.27	-0.27%
VN30	879.32	-0.48%
VN Mid	943.48	-0.18%
VN Small	782.92	0.11%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.37	-0.10%
HN30	179.47	-0.10%
VNX AllSh	851.65	-0.32%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.86	-0.09%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	549.55	
Bán	591.4	
GT rỗng	-41.85	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	14.28	
Bán	9.70	
GT rỗng	4.58	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.26	
Bán	4.97	
GT rỗng	0.29	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PGD	2700	6.92%
SCR	250	4.10%
AST	3300	4.02%
TRC	1500	3.70%
PDR	800	2.96%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NET	3900	9.24%
TIG	500	7.69%
CSC	1600	5.76%
PGS	600	2.01%
MBS	200	1.30%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	1200	7.41%
NTC	5700	3.44%
GVR	200	1.61%
VGI	300	1.21%
QNS	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAI	-200	-6.92%
TCH	-950	-3.28%
SJS	-450	-2.83%
HAH	-300	-2.44%
VCI	-750	-2.25%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	-3500	-9.78%
VIX	-100	-1.67%
SHS	-100	-1.28%
AMV	-300	-1.24%
NDN	-200	-1.20%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MCH	-6700	-7.82%
OIL	-400	-4.04%
PXL	-100	-1.20%
BSR	-100	-1.09%
BOT	-200	-0.36%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	389,070	
VCB	314,142	
VHM	307,485	
VNM	206,876	
GAS	190,055	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,266	
VCS	12,592	
VCG	11,970	
PVS	8,221	
SHB	7,339	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	159,905	
VGI	75,322	
VEA	63,313	
MCH	60,437	
GVR	49,536	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	39,909,780	31,782,895
FLC	11,039,480	10,396,039
AMD	10,538,140	2,620,668
VRE	6,129,410	5,808,213
SBT	5,935,261	4,132,594

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	2,475,202	1,507,162
KLF	2,288,071	788,638
SHB	1,924,385	2,600,485
PGS	1,857,410	96,060
VIX	1,631,200	139,828

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,422,347	2,125,492
HTM	1,342,582	275,129
PPI	653,096	63,667
VIB	524,418	597,628
PXL	421,040	376,421

Nguồn: Bloomberg & YSVN

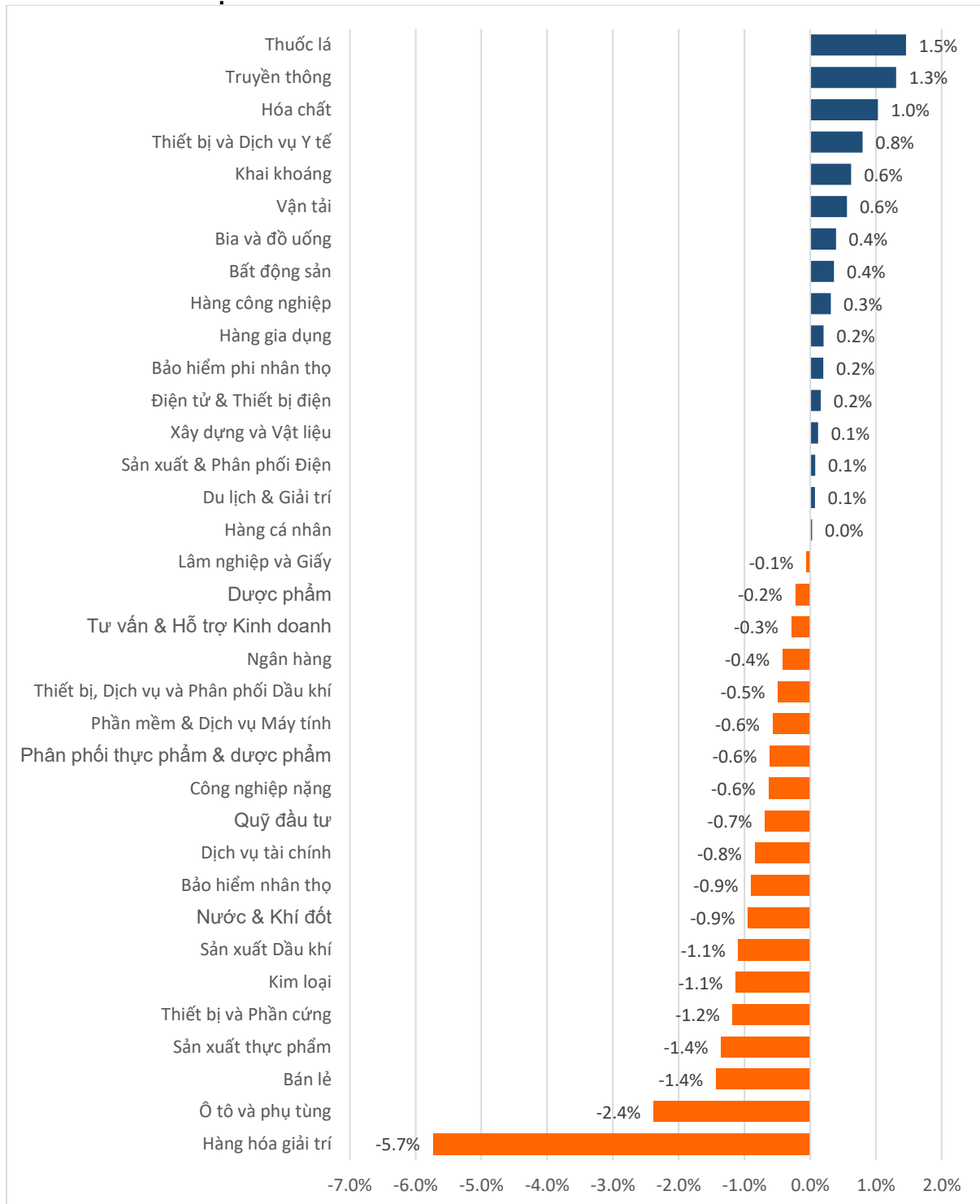
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



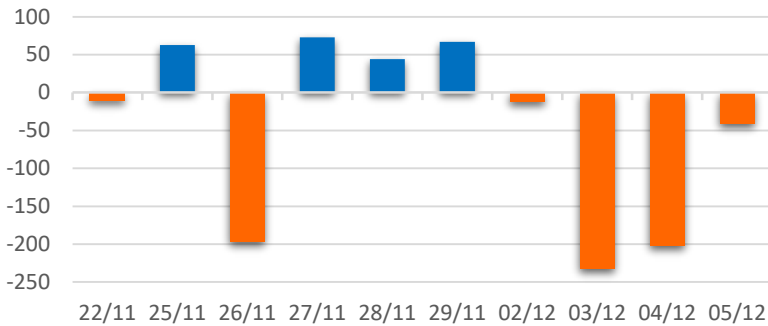
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

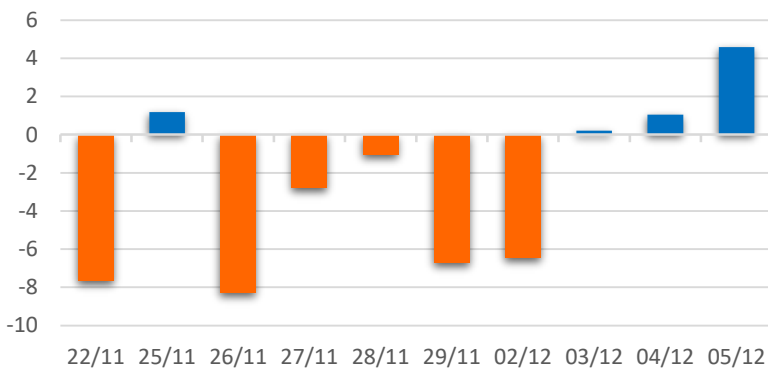
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ROS	20,203	MSN	63,373
VCB	11,697	HPG	14,441
HVN	11,396	VHM	11,177
NT2	6,987	VNM	8,835
D2D	6,918	VRE	8,335

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

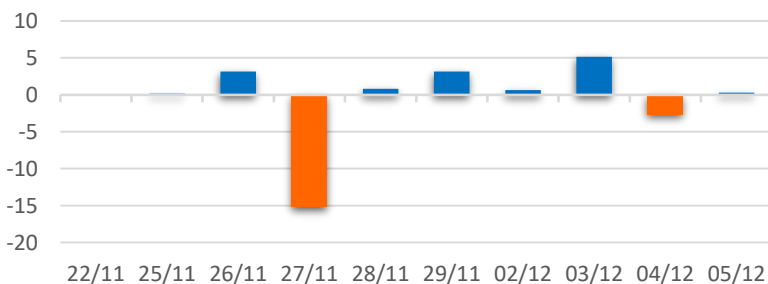
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	7,873	CEO	2,433
PVC	820	NDN	1,821
VCS	672	TIG	283
IDJ	303	LHC	242
SDT	93	NTP	218

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



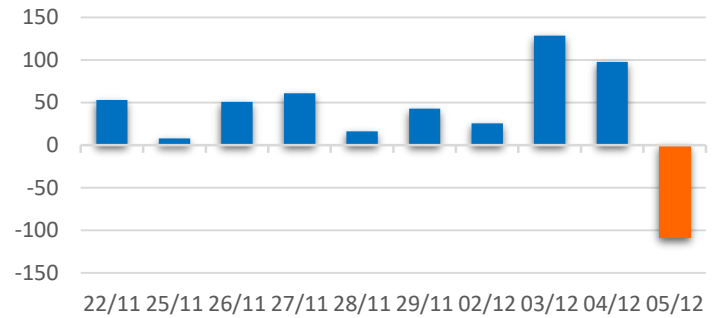
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

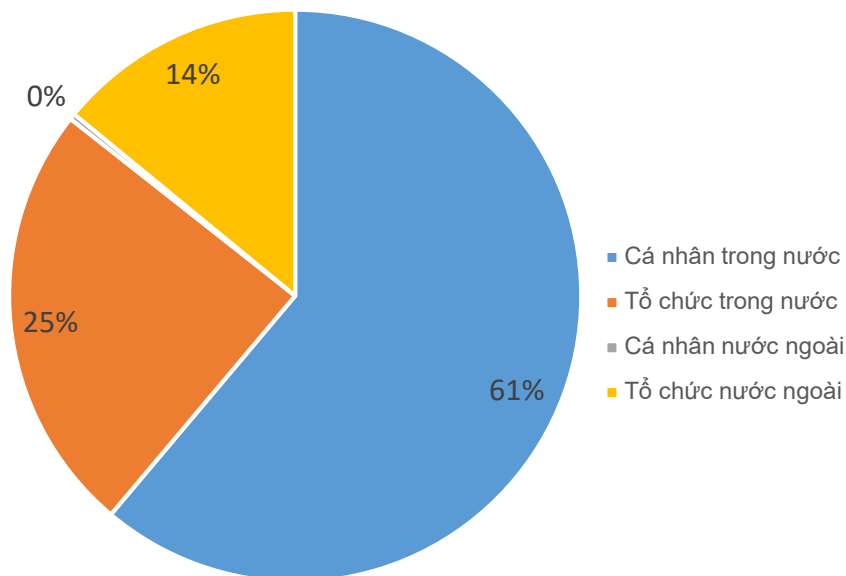
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	16,403	EIB	81,380
VPB	6,541	MWG	31,967
VNM	2,458	FPT	5,288
KDH	2,430	KDH	3,380
MBB	2,133	HPG	3,119

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

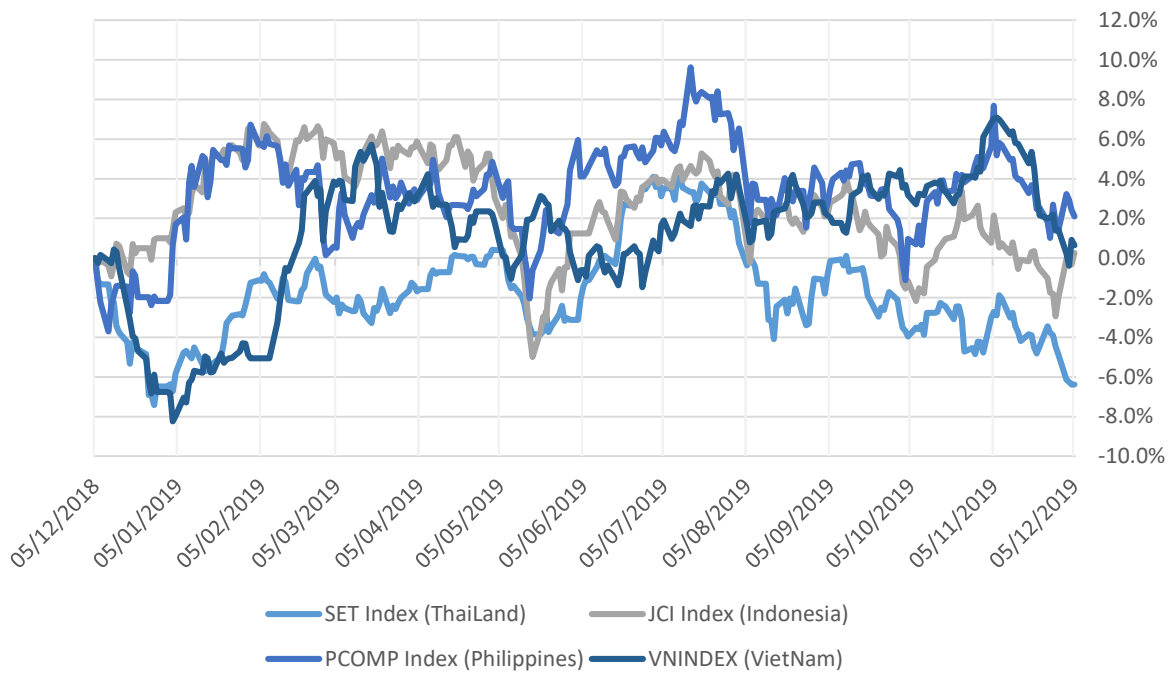


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

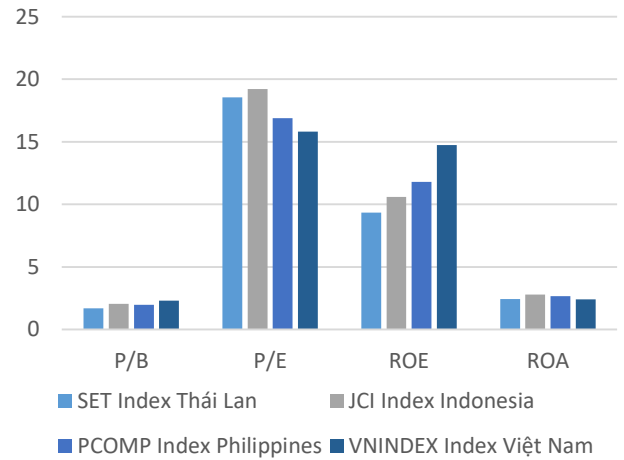
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.6x	19.2x	17.0x	15.6x
ROE	%	9.29	10.58	11.79	14.75
ROA	%	2.44	2.78	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	543.36	501.48	192.51	141.09
GTGD	Triệu USD	1.50	0.33	0.06	0.15
LS cổ tức	%	3.20	2.44	1.59	2.10

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written